|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ  **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**  Họ tên HS: ……………………. Lớp 7/… |

**Tiết 131: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II – PHẦN TIẾNG VIỆT**

**A. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**I. CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**1.Câu chủ động và câu bị động**:

**a/Câu chủ động**: là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác.(chỉ chủ thể của hoạt động)

VD: ***Mọi người*** *yêu mến em*

**b/ Câu bị động :** là câu có chủ ngữ chỉ người, vật bị (được) hoạt động của người, vật khác hướng vào. (chỉ đối tượng của hoạt động)

VD: ***Em*** *được mọi người yêu mến.*

**2/Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động**:

Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động(và ngược lại, chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động) ở mỗi đoạn văn đều nhằm liên kết các câu trong đoạn thành một mạch văn thống nhất.

VD:

- *Thủy phải xa lớp ta, theo mẹ về quê ngoại.*

*Một tiếng “ồ” nổi lên kinh ngạc. Cả lớp sững sờ. Em tôi là đội trưởng, là “vua toán” của lớp từ mấy năm nay……………………, tin này chắc làm cho bạn bè xao xuyến*.

(1) ***Mọi người*** *yêu mến em*

(2) ***Em*** *được mọi người yêu mến.*

Trong phần ô trống ở trên, chọn điền câu (2) *"Em được mọi người yêu mến"* bởi vìcâu đứng trước câu cần lựa chọn, và cả đoạn văn đều đang nói về *Thuỷ (em)*. *Thuỷ (em)* trong đoạn này là đối tượng mà hoạt động hướng vào (được nói đến) chứ không phải là chủ thể của hoạt động. Cho nên, điền vào vị trí dấu ba chấm phải là câu bị động *"Em được mọi người yêu mến."* thì mới đảm bảo mối liên kết giữa các câu trong mạch chung của đoạn.

**3.Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:**

**-Cách 1**: Chuyển từ (hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm từ **bị** hay từ **được** vào sau từ (hoặc cụm từ) ấy.

Câu chủ động : *Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII.*

Câu bị động: *Ngôi chùa ấy đã được một nhà sư vô danh xây từ thế kỷ XIII.*

-**Cách 2**: Chuyển từ (hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu đồng thời lược bỏ hoặc biến từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành bộ phận không bắt buộc trong câu.

Câu chủ động : *Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII.*

Câu bị động *: Ngôi chùa ấy xây từ thế kỷ XIII.*

\*Chú ý: Không phải câu nào chứa từ **bị** hay **được** đều là câu bị động.

**II. DÙNG CUMK CHỦ-VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU**

**1. Thế nào là dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu?**

Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị, làm thành phần câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

**2.Nhận biết cụm chủ vị trong câu**

Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm chủ - vị.

Ví dụ:

1. Khi mẹ về, cả nhà rất vui: cụm chủ-vị làm thành phần phụ ngữ trong cụm danh từ.

Cái bàn này chân đã gãy: cụm chủ vị làm thành phần vị ngữ

III. **DẤU CHẤM LỬNG, DẤU CHẤM PHẨY, DẤU GẠCH NGANG**

**1.Công dụng của chấm lửng**

-Tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết: VD: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung…

-Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quảng: VD: Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!

-Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. VD: Cuốn tiểu thuyết được viết trên…bưu thiệp.

**2. Công dung của dấu chấm phẩy**

-Đánh dấu ranh giới của một vế câu ghép có cấu tạo phức tạp. VD: Cốm không phải thức quà của người ăn vội; ăn cốm phải ăn từng chút, thong thả và ngẫm nghĩ. (Thạch Lam)

-Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của một phép liệt kê có cấu tạo phức tạp. VD: Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu như sau: yêu nước, yêu nhân dân; trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng;…(Trường Chinh)

**3.Công dụng của dấu gạch ngang**

-Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. VD: Đẹp quá đi, mùa xuân ơi-mùa xuân của Hà Nội thân yêu […](Vũ Bằng)

-Đặt đầu dòng để đánh dấu lời nối trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê. VD: -Em chào cô ạ! (đánh dấu lời nói trực tiếp)

-Nối các từ nằm trong một liên danh. VD: Tàu Hà Nội – Vinh khởi hành lúc 9 giờ.

**4. Cần phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối**

-Dấu gạch nối không phải là một dấu câu, nó chỉ nối các tiếng trong một từ mượn gồm nhiều tiếng. VD: Va-ren, Pa-ri….

-Dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang.

**B. BÀI TẬP**

**1. Bài tập 1***:* **Điền dấu gạch ngang vào chỗ thích hợp trong đoạn ví dụ sau:**

\* Hoa hỏi Hồng:

Dàn bài một bài văn lập luận giải thích có mấy phần?

Hồng trả lời:

À, dàn bài một bài văn lập luận giải thích gồm có ba phần:

Phần mở bài

Phần thân bài

Phần kết bài.

**2. Bài tập 2: Hãy nêu công dụng của dấu gạch ngang trong câu trên?**

**3. Bài tập 3: Xác định cụm chủ vị trong các câu sau và cho biết cụm chủ vị làm thành phần gì?**

a. Chị Ba đến khiến tôi rất vui và vững tâm.

b. Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta tinh thần rất hăng hái.

c. Trung đội trưởng Bính khuôn mặt đầy đặn.

d. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình.

**4. Bài tâp 4: Viết đoạn văn ngắn từ 7-9 câu nói về Đức tính giản dị của Bác Hồ trong đó có sử dụng cụm chủ vị để mở rộng câu.**

**5. Bài tập 5: SGK/58 tìm câu bị động trong đoạn trích sau. Giải thích vì sao tác giả lại chọn cách viết như vậy?**

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương[7], trong hòm.

**6. Bài tập 6: tự đặt 3 câu chủ động và chuyển đổi sang câu bị động bằng hai cách?**

**Tiết 132,133**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II – PHẦN VĂN BẢN VĂN HỌC**

**I.Kiến thức cơ bản**

***1.Ca dao, dân ca:***

- Ca dao về tình cảm gia đình: Nhắc nhở về công ơn sinh thành (tình mẫu tử), tình anh em ruột thịt.

- Ca dao về tình yêu quê h­ơng đất n­ớc , con ngư­ời: Thư­ờng nhắc đến tên núi, tên sông, tên đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hóa. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp là những bức tranh phong cảnh, tình yêu, lòng tự hào đối với con ngư­ời, quê h­ơng, đất nước.

- Những câu hát than thân: Bộc lộ những nỗi lòng tê tái, đắng cay, tủi nhục,... của ngư­ời dân, đặc biệt là thân phận ngư­ời phụ nữ trong xã hội cũ.

- Những câu hát châm biếm: Phê phán và chế giễu những thói hư­, tật xấu trong đời sống gia đình và cộng đồng bằng nghệ thuật trào lộng dân gian giản dị mà sâu sắc.

***2.Tục ngữ****:*

- Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất: Phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quí báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện t­ượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.

- Tục ngữ về con ng­ười và xã hội: Luôn tôn vinh giá trị con ng­ời, đ­a ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con ng­ời cần phải có.

***3.Thơ:***

- Các bài thơ trữ tình tập trung vào 2 chủ đề là tinh thần y.nư­ớc và tình cảm nhân đạo:

+ Nội dung là tình y.nư­ớc chống xâm l­ược, lòng tự hào dân tộc và yêu chuộng cuộc sông thanh bình đ­ược thể hiện trong các bài thơ Sông núi nư­ớc Nam, Phò giá về Kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Tr­ường trông ra,...

+ Tình cảm nhân đạo còn thể hiện ở tiếng nói chán ghét chiến tranh phi nghĩa đã tạo nên các cuộc chia li sầu hận (Chinh phụ ngâm khúc), ở tiếng lòng xót xa cho thân phận "bảy nổi ba chìm" mà vẫn giữ ven "tấm lòng son" của ng­ời phụ nữ (Bánh trôi nư­ớc), ở tâm trạng ngậm ngùi tư­ởng nhớ về một thời đại vàng son nay chỉ còn vang bóng (Qua đèo Ngang)

- Các bài thơ trữ tình Việt Nam thời kì hiện đại thể hiện tình yêu quê h­ương đất n­ước, yêu cuộc sống (Cảnh khuya, Rằm tháng giêng), tình cảm gia đình qua kỉ niệm đẹp của tuổi thơ (tiếng gà tr­ưa).

- Các bài thơ Đ­ường có nội dung ca ngợi vẻ đẹp và tình yêu thiên nhiên ( Xa ngắm thác núi Lư­), tấm lòng yêu quê h­ơng tha thiết (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, .. nhân buổi mới về quê) và tình cảm nhân ái, vị tha (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá).

***4. Văn xuôi:***

*a- Cổng tr­ờng mở ra (Lí Lan):*

- Tấm lòng th­ương yêu của ng­ời mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trư­ờng.

- Văn biểu cảm tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng.

*b-Mẹ tôi (Ét môn đô Ami xi):*

- Tấm lòng thư­ơng yêu lo lắng, sự hi sinh quên mình của ng­ời mẹ đối với con và tình th­ương yêu kính trọng thiêng liêng của ng­ươi con đối với mẹ.

- Văn biểu cảm qua hình thức 1 bức thư­ của ng­ời bố gửi cho con.

*c- Cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài):*

- Tình cảm gia đình là quí báu và quan trọng, hãy cố gắng giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc ấy.

-Văn tự sự có bố cục rành mạch và hợp lí.

*d-Một thứ quà của lúa non - Cốm (Thạch Lam):*

- Một phong vị, một nét đẹp văn hóa trong một thứ quà độc đáo mà giản dị của dân tộc.

- Tùy bút tinh tế, nhẹ nhàng, sâu sắc.

*e-Sài gòn tôi yêu(Minh H­ương):*

- Nét đẹp riêng của ng­ười Sài gòn và phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và sống tình nghĩa của ng­ười Sài gòn

- Nghệ thuật biểu hiện cảm xúc của tác giả qua thể văn tùy bút.

*g-Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng):*

- Cánh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân ở Hà nội và miền Bắc đ­ược cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ th­ương tha thiết của ng­ười xa quê h­ương.

- Văn tùy bút giàu hình ảnh gợi cảm.

*i-Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn):*

- Lên án gay gắt bọn quan lại thực dân Phong kiến vô nhân đạo và bày tỏ niềm cảm thư­ơng vô hạn tr­ước cảnh cơ cực của ngư­ời dân qua việc cứu đê.

- Truyện ngắn hiện đại với NT tư­ơng phản tăng cấp và lời kể, tả, bình sinh động, hấp dẫn.

*h-Ca Huế trên sông H­ương (Hà ánh Minh):*

- Vẻ đẹp của ca Huế, một hình thức sinh hoạt văn hóa- âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng quý.

*k-Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn ái Quốc):*

- Vạch trần bộ mặt giả dối và t­ính cách hèn hạ của bọn Thực Dân Pháp, đồng thời ca ngợi nhân cách cao th­ượng và tấm lòng hi sinh vì dân, vì nư­ớc của ng­ười chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu.

- Truyện ngắn đ­ược h­ cấu t­ưởng t­ượng qua giọng văn châm biếm, hóm hỉnh.

***5.Văn nghị luận:***

*a-Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai):*

Cái đẹp của Tiếng Việt là sự cân đối, hài hòa về nhịp điệu, về âm h­ưởng, về thanh điệu: "Miền Nam là máu của Việt Nam, thịt của Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi" (HCM).

Cái hay của Tiếng Việt đư­ợc thể hiện ở sự uyển chuyển tế nhị trong cách dùng từ, đặt câu, biểu thị đ­ược sự phong phú, sâu sắc tình cảm của con ng­ười: "Hỡi cô tát n­ớc bên đàng, Sao cô tát ánh trăng vàng đổ đi" (ca dao ).

*b-ý nghĩa văn ch­ương (Hoài Thanh):*

*ý nghĩa văn chư­ơng* là "hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống". Nguồn gốc của văn ch­ương "cũng là giúp cho t.cảm và gợi lên lòng vị tha". Nghĩa là văn học có chức năng phản ánh hiện thực, nâng cao nhận thức, giúp ng­ời đọc "hình dung sự sống muôn hình vạn trạng" đó là điều kì diệu của văn thơ.

Văn ch­ương "gây cho ta những tình cảm ta không có luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ". Ví như­ th­ương ng­ười, yêu quê hương, say mê học tập, lao động, mơ ư­ớc v­ươn tới chân trời bao la... Những tình cảm ấy là do cuộc sống và văn chư­ơng bồi đắp cho tâm hồn.

Văn ch­ương còn làm cho cuộc đời thêm đẹp, thêm phong phú hơn như­ tác giả đã viết: "Cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn ch­ương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần". Ví dụ: "Tôi yêu non xanh, núi tím, tôi yêu đôi mày ai như­ trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ư­ớc mơ, nh­ưng tôi yêu nhất mùa xuân" (Vũ Bằng)

**II.Bài tập**

Bài 1.

a) Cảm nhận về hình ảnh quan phụ mẫu qua văn bản “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tốn.

b) Cảm nhận về thân phận người dân qua văn bản “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tốn.

Bài 2. Qua văn bản “Ca Huế trên sông Hương” của Hà Ánh Minh, em có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của ca Huế.

Bài 3. Trong chương trình Ngữ văn 7 em vừa học, em thích nhất văn bản nào? Vì sao?

Bài 4. Tại sao nói “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có” ?

**Tiết 134 ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II – PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**I. NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1. PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**1.1.Mục đích và phương pháp chứng minh**

-Trong cuộc sống muốn khẳng định một điều gì đó thì ta cần chứng minh.

-Trong văn bản nghị luận chứng minh là một phép lập luận dùng những lý lẽ, bằng chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới (cần được chứng minh) là đáng tin cậy.

-Các lý lẽ, bằng chứng dùng trong phép lập luận chứng minh phải được lựa chọn, thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.

**1.2.Cách làm bài văn lập luận chứng minh:**

\*Các bước làm bài văn lập luận chứng minh:

**a/Tìm hiểu đề và tìm ý**:

-Xác định yêu cầu chung của đề, từ đó cho biết đề bài khẳng định điều gì.

-Chứng minh điều mà đề bài khẳng định bằng hai cách lập luận: nêu dẫn chứng xác thực và nêu lý lẽ.

**b/Lập dàn bài:**

-Mở bài: nêu vai trò quan trọng, ý nghĩa hoặc tính đúng đắn như một chân lý của đề ra và trích đề bài

-Thân bài: Lập luận bằng hai cách:

+Nêu lý lẽ của vấn đề cần chứng minh.

+Nêu dẫn chứng thực tế

c/Kết bài: Khẳng định lại vấn đề cần chứng minh, rút ra bài học kinh nghiệm.

c/Viết bài:

-Mở bài: Có 3 cách mở bài

+Đi thẳng vào vấn đề

+Đi từ cái chung đến cái riêng

+Suy từ tâm lý con người

- Thân bài: Dùng từ ngữ chuyển tiếp: đúng như vậy, thật vậy...,viết đoạn văn phân tích lí lẽ, viết đoạn văn dẫn chứng tiêu biểu.

-Kết bài: Dùng từ ngữ chuyển đoạn, kết bài phải hô ứng với mở bài

d/ Đọc và sửa chữa:

**2. PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**2.1. Thế nào là giải thích?**

Trong đời sống, giải thích là làm cho ta hiểu những điều chưa biết.

**2.2 Phép lập luận giải thích dùng để làm gì?**

Làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lí, phẩm chất…cần giải thích nhằm làm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tình cảm.

**2.3.Các phương pháp giải thích**: nêu định nghĩa, kể các biểu hiện, so sánh đối chiếu với các hiện tượng khác, chỉ ra mặt có lợi, có hại, nguyên nhân, hậu quả.

Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị, làm thành phần câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

**2.4. Các bước làm bài văn giải thích:**

+Tìm hiểu đề, lập ý: Tìm vấn đề cần giải thích

+Lập dàn bài

+Viết bài văn nghị luận giải thích

+Đọc lại và sữa chữa bài

**2.5.Bố cục của bài văn lập luận giải thích**

+Mở bài: Nêu luận điểm cần được giải thích và gợi ra phương hướng giải thích

+Thân bài: Lần lượt trình bày các nội dung cần giải thích

+Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề

**II. BÀI TẬP**

1. **Lập dàn ý chi tiết cho đề bài : Chứng minh tính đúng đắn của câu tực ngữ : Có công mài sắt, có ngày nên kim**
2. **Giải thích câu tục ngữ : “ Thất bại là mẹ thành công”**